



Số: 693/BC- CPC1

*Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Công ty đại chúng:**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1**  
**Năm 2018**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0100108536 do: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 01/6/2017
- Vốn điều lệ đăng ký: 209.790.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 209.790.000.000 đồng
- Địa chỉ: 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (84 - 24) 3864 3306 Fax: (84 - 24) 3864 1366
- Website: [www.cpc1.com.vn](http://www.cpc1.com.vn)
- Mã cổ phiếu: DP1
- Quá trình hình thành và phát triển:
  - Tiền thân của Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 là Quốc doanh Y Dược phẩm Trung ương được thành lập từ năm 1956 do Bộ Y Tế quản lý, trực thuộc Cục phân phối Dược phẩm.
  - Công ty chính thức được thành lập theo quyết định số 171/BYT-QĐ ngày 01/04/1971 của Bộ Y Tế với tên gọi “Công ty Dược phẩm cấp I” thuộc Tổng công ty dược (Bộ Y tế).
  - Năm 1985, Công ty đổi tên thành “Công ty Dược phẩm Trung ương I” theo quyết định số 934/BYT-QĐ ngày 5/6/1985 của Bộ trưởng Bộ Y Tế.
  - Ngày 22/4/1993, Bộ Y tế ra Quyết định số 408/BYT – QĐ của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Y Tế. Thành lập doanh nghiệp Nhà nước: “Công ty Dược phẩm TW1” thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam với mã số: 070101;070102.
  - Công ty hoạt động theo Giấy Đăng ký thành lập doanh nghiệp Nhà nước với số đăng ký kinh doanh là: 108263 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/5/1993. Tiếp đó, Công ty thay đổi số ĐKKD và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD Công ty Nhà nước số: 0106000664, đăng ký lần đầu ngày 12/05/1993 và đăng ký thay đổi lần 12 ngày 27/10/2009.
  - Đến năm 2010, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm trung ương 1 theo quyết định số 45/QĐ-TCTD ngày 29/6/2010 do Nhà nước làm chủ sở hữu. Theo đó, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên với mã số: 0100108536



cấp lần đầu ngày 26/07/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 07/05/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Năm 2016 công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 theo quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12/06/2015 của Bộ Y Tế.

## 2. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

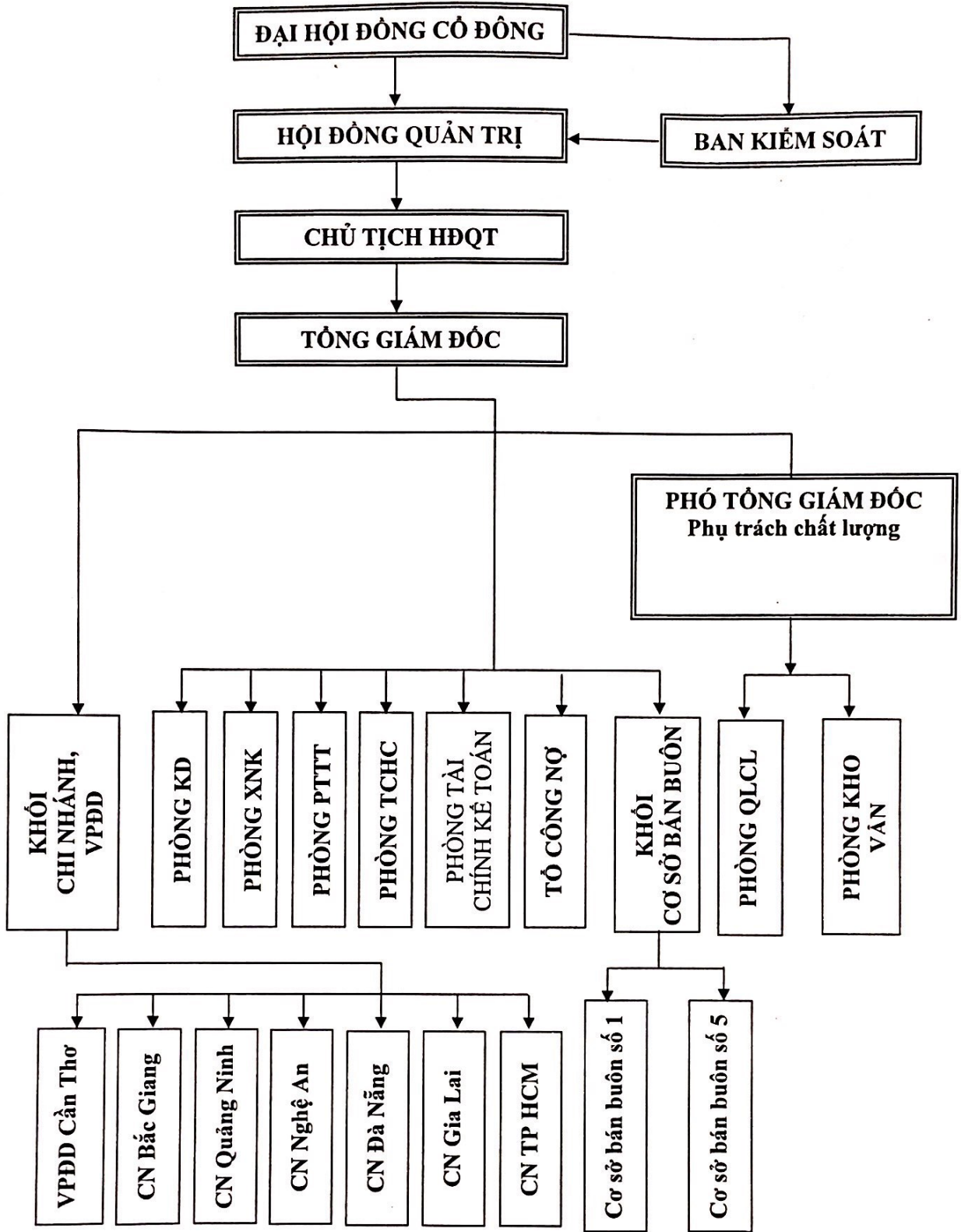
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Dịch vụ bảo quản thuốc; Buôn bán Vacxin, sinh phẩm y tế; Sản xuất và kinh doanh: thuốc, nguyên liệu làm thuốc, sản phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm chế biến và thực phẩm chức năng; Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác; Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Kinh doanh nguyên liệu ngành dược và dược phẩm; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.
- Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh miền Bắc, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh miền Nam, miền Trung.  
Các chi nhánh trực thuộc:
  - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: 297/24A Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
  - Chi nhánh Đà Nẵng: Số Lô 75, 76, 77 khu dân cư số 2 Phần Lãng, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
  - Chi nhánh Gia Lai: 200 Cách mạng Tháng 8, phường Hoa Lư, TP. Pleiku, tỉnh Gia lai
  - Chi nhánh Nghệ An: Số 11 đường Lê Nin, xóm 19, xã Nghi Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
  - Chi nhánh Quảng Ninh: Số 146, ngõ 3, đường Cao Thắng, phường Cao Thắng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
  - Chi nhánh Bắc Giang: Lô 42+43, N12 Đường Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### a. Mô hình quản trị

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và nhiệm vụ quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.
- **Tổng giám đốc:** Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

### b. Cơ cấu bộ máy quản lý



#### 4. Định hướng phát triển

##### a. Mục tiêu chủ yếu của công ty

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại công ty;
- Tối đa hóa các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông
- Đầu tư và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh

##### b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Duy trì tốc độ tăng trưởng  $\geq 5\%$ /năm
- Phát triển mạnh các sản phẩm có lợi thế và doanh số cao
- Phát triển hệ thống phân phối
- Tăng cường hợp tác liên doanh, liên kết các công ty trong và ngoài nước để phát triển sản phẩm mới có công nghệ cao, đảm bảo chất lượng và khai thác tốt nhất các nguồn lực của công ty.
- Đào tạo và xây dựng đội ngũ CBNV chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn và năng lực đáp ứng yêu cầu công việc.

##### c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, cộng đồng, xã hội)

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến sức khỏe con người nên công ty có ý thức đến cộng đồng và trách nhiệm với xã hội:

- Kinh doanh các sản phẩm đạt chất lượng.
- Công tác tiêu hủy thuốc thực hiện đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.
- Tạo môi trường làm việc cho CBNV an toàn, đời sống ổn định.
- Bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.
- Tham gia đóng góp các chương trình Đền ơn đáp nghĩa, quỹ tấm lòng vàng, và các hoạt động từ thiện trên địa bàn

#### 5. Các rủi ro

##### a. Rủi ro về pháp luật:

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Dược, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác. Các văn bản luật và dưới luật thường xuyên có sự điều chỉnh, mỗi sự thay đổi có tác động ít nhiều đến hoạt động của Công ty.

##### b. Rủi ro về tỷ giá

Nguồn hàng kinh doanh của Công ty chủ yếu là nhập khẩu, đồng tiền được sử dụng trong thanh toán là Đô la Mỹ và Euro. Do đó sự biến động về tỷ giá USD/VN và EUR/VN có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

##### c. Rủi ro về lãi suất

Nguồn vốn kinh doanh chính của công ty là vay từ các ngân hàng. Khi thị trường tiền tệ biến động, mặt bằng lãi suất vay biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí lãi vay và hoạt động kinh doanh của công ty.

##### d. Rủi ro đặc thù:

- Rủi ro về nguồn hàng: Do không phải là đơn vị sản xuất nên nguồn hàng đầu vào của công ty phụ thuộc rất nhiều vào các nhà cung ứng sản xuất trong nước và nước ngoài. Các nhà sản xuất trong nước hiện nay tự đứng ra phân phối trực tiếp hàng sản xuất ra, hàng nhập khẩu khi mới bán thì các hãng chào mời, ưu đãi, nhưng khi hàng hóa đã vào thị trường, đã có thị phần các hãng tăng giá, hoặc ép mua tăng số lượng. Vì vậy nguồn hàng thiếu tính ổn định và chủ động.
- Rủi ro về thị trường: Các doanh nghiệp Dược trong nước không ngừng mở rộng về quy mô và năng suất, các doanh nghiệp Dược đa quốc gia có tiềm lực về tài

chính và công nghệ. Thực tế này đòi hỏi công ty phải nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm để có thể tồn tại và cạnh tranh trên thị trường.

- Rủi ro về giá: Sản xuất, kinh doanh dược phẩm là một trong các lĩnh vực được Nhà nước quản lý giá chặt chẽ. Do đó nếu giá đầu vào biến động bất lợi nhưng giá bán của công ty không tăng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Với cơ chế đấu thầu thuốc quốc gia tập trung cơ hội lớn nhưng rủi ro cũng cao.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

- Kết quả hoạt động sản xuất doanh năm 2018

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017 đã điều chỉnh lại	Tăng/giảm	Tỷ lệ tăng trưởng (%) 2018/2017
Doanh thu thuần	2.619.774	2.390.429	229.344	9,59
Lợi nhuận trước thuế	39.495	59.926	-20.431	-34,09
Lợi nhuận sau thuế	31.750	47.723	-15.973	-33,47

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Kế hoạch năm 2018	Tăng/giảm	Tỷ lệ % TH/KH
Doanh thu thuần	2.619.774	2.600.000	19.774	100,76
Lợi nhuận trước thuế	39.495	45.000	-5.505	87,77
Lợi nhuận sau thuế	31.750	36.000	-4.250	88,19

### 2. Tổ chức nhân sự

#### a. Danh sách ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Doãn Liêm	Tổng giám đốc	
2	Nguyễn Trí Lý	Phó tổng giám đốc	Nghỉ hưu từ tháng 6/2018
3	Phạm Đức Thọ	Phó tổng giám đốc	Bỏ nhiệm từ tháng 8/2018

#### ➤ Ông Nguyễn Doãn Liêm - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/5/1960 Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011600497 Ngày cấp: 31/10/2013 Nơi cấp: Hà Nội
- Nguyên quán: Xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 48A Ngõ 134 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/1986 - 04/1989	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Kho dược	Nhân viên
04/1989 - 12/1995	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Cửa hàng TT giới thiệu thuốc	Nhân viên
12/1995 - 11/1998	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Quầy thuốc phòng Kế hoạch Nghiệp vụ	Nhân viên
11/1998 - 12/2002	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Trưởng Chi nhánh
01/2003 - 03/2004	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Cửa hàng số 10 Nguyễn Lương Bằng	Phụ trách cửa hàng
04/2004 - 11/2004	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Phó trưởng phòng
12/2004 - 05/2005	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Trưởng phòng
05/2005 - 07/2007	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng Kinh doanh	Phó GD kiêm trưởng phòng KD
08/2007 - 07/2010	Công ty Dược phẩm Trung ương 1	Giám đốc
08/2010 - 12/2015	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TƯ 1	Chủ tịch kiêm Giám đốc
17/12/2015 đến nay	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Thành viên HĐQT
01/01/2016 đến nay	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tổng giám đốc Công ty

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT
- Số cổ phần sở hữu: 6.540.890 cổ phần, chiếm tỷ lệ 31,178% vốn điều lệ.

*Trong đó:*

- + *Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.210.940 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,772% vốn điều lệ.*
- + *Cổ phần đại diện sở hữu của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP: 5.329.950 cổ phần, chiếm tỷ lệ 25,406% vốn điều lệ*
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 809.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,86% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ với công ty: Không có

➤ **Ông: Nguyễn Trí Lý - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/7/1960 Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 024808960 Ngày cấp: 22/10/2007 Nơi cấp: TP Hồ Chí Minh
- Nguyên quán: Xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá
- Địa chỉ thường trú: Số 18/45 Đỗ Nhuận, phường Sơn Kỳ, Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1984 - 09/1985	Xí nghiệp dược phẩm Gia Lai Kon tum	Cán bộ kỹ thuật
10/1985 - 12/1986	Xí nghiệp dược phẩm Gia Lai Kon tum	Quản đốc phân xưởng Berberin
01/1987 - 03/1989	Xí nghiệp liên hiệp Dược Gia Lai - Kon Tum, Phòng KTKN	Trưởng phòng
04/1989 - 09/1990	Xí nghiệp liên hiệp Dược Gia Lai - Kon Tum, Phòng kỹ thuật	Trưởng phòng
10/1990 - 09/1991	Xí nghiệp liên hiệp Dược Gia Lai - Kon Tum	Phó Quản đốc phân xưởng SX
10/1991 - 09/1993	Xí nghiệp liên hiệp Dược Gia Lai - Kon Tum	Quản đốc phân xưởng
10/1993 - 11/1996	Công ty dược phẩm Gia Lai - Phòng Kế hoạch nghiệp vụ	Phó Trưởng phòng
11/1996 - 10/2002	Công ty dược phẩm Gia Lai - Phòng Kế hoạch nghiệp vụ	Trưởng phòng
11/2002 - 12/2002	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên
01/2003 - 05/2009	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Trưởng chi nhánh
06/2009 - 07/2010	Công ty Dược phẩm Trung ương 1	Phó giám đốc Công ty kiêm Giám đốc CN TP. HCM
08/2010 - 12/2015	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TƯ 1	Phó giám đốc Công ty kiêm Giám đốc CN TP. HCM
17/12/2015 - 23/4/2018	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Thành viên HĐQT
01/01/2016 - 12/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc CN TP. HCM
01/01/2018 - 31/5/2018	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phó Tổng giám đốc Công ty

- Chức vụ công tác: Thành viên HĐQT đến 23/4/2018, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 đến 31/5/2018.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu: 4.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần
- Các khoản nợ với công ty: Không có
- Ông Phạm Đức Thọ - Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty
  - Giới tính: Nam
  - Ngày tháng năm sinh: 19/02/1975
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Nơi sinh: Hà Nội
  - Dân tộc: Kinh

- Số CMND: 011902405 Ngày cấp: 19/5/2011 Nơi cấp: Hà Nội
- Nguyên quán: Xã Đức Trường, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Số 3 Q21 Ngõ 134 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0913558959
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1996 - 04/2007	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Chuyên viên
04/2007 - 10/2007	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Tổ trưởng tổ nhập khẩu
10/2007 - 03/2009	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng XNK	Phó trưởng phòng
04/2009 - 07/2010	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng XNK	Trưởng phòng
08/2010 - 12/2015	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TƯ 1- Phòng XNK	Trưởng phòng
17/12/2015 - nay	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Chủ tịch HĐQT
01/8/2018 - nay	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phó tổng giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần bản thân nắm giữ: 4.202.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20,032% vốn điều lệ.
- Trong đó:
  - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 6.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần đại diện sở hữu của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP: 4.195.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20,0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 6.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,032% vốn điều lệ.

**b. Số lượng cán bộ nhân viên**

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trên đại học	9	2,6
Đại học	139	40,17
Cao đẳng	12	3,46
Trung cấp	133	38,44
Sơ cấp	10	2,89
Lao động phổ thông, khác	43	12,43



- Chính sách người lao động tại công ty: Được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Không có thay đổi

### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Dự án xây dựng kho GSP số 2 tại Lô số 3, đường số 4, Khu công nghiệp Tân Tạo TP. Hồ Chí Minh. Tiến độ dự án: Đang trong giai đoạn thi công và lắp đặt.

### 4. Tình hình tài chính

#### a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.841.121.425.558	1.583.670.227.328	-13,98%
Doanh thu thuần	2.390.429.946.816	2.619.774.377.444	9,59%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	47.429.344.912	37.971.220.271	-19,94%
Lợi nhuận khác	12.497.160.929	1.524.028.763	-87,81%
Lợi nhuận trước thuế	59.926.505.841	39.495.249.034	-34,09%
Lợi nhuận sau thuế	47.723.015.181	31.750.696.657	-33,47%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1933	1160	-39,99%

#### b. Các chỉ số tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,05	1,09	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,50	0,51	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	86,99%	83,86%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	668,35%	519,67%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	3,22	2,85	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,30	1,65	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,00%	1,21%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,92%	12,42%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,59%	2,00%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,98%	1,45%	

### 5. Cơ cấu cổ đông

**a. Cổ phần**

- Tổng số cổ phần: 20.979.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Tổng số cổ phần tự do chuyển nhượng: 20.129.300 cổ phần
- Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 849.700 cổ phần

**b. Cơ cấu cổ đông:**

Stt	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
	<b>Theo loại hình sở hữu</b>			
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông là tổ chức	3	16.723.554	79,72
3	Cổ đông là cá nhân	383	4.255.446	20,28
	<b>Theo tỷ lệ sở hữu</b>			
1	Cổ đông lớn (sở hữu trên 5%)	3	17.932.490	85,48
2	Cổ đông khác	383	3.046.510	14,52
	<b>Cổ đông trong nước và nước ngoài</b>			
1	Cổ đông trong nước	386	20.979.000	100
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>		<b>20.979.000</b>	

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không

**e. Các chứng khoán khác:** Không

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

Tổng nguyên liệu công ty nhập khẩu để kinh doanh là 1.059 tấn

**6.2 Tiêu thụ năng lượng**

Năng lượng tiêu thụ điện: 962.000 kw/năm

Kiểm soát và sử dụng nguồn điện hợp lý, tiết kiệm

**6.3 Tiêu thụ nước:** 10.343 m<sup>3</sup>/năm

**6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường, trong năm không bị xử lý vi phạm

**6.5 Chính sách liên quan đến người lao động**

**a. Số lượng người lao động:** 346 người

Mức lương trung bình đối với người lao động:

- Cán bộ nhân viên: 13.000.000 đ/người/tháng
- Ban điều hành: 45.000.000 đ/người/tháng

**b. Chính sách lao động nhằm bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

- Chế độ phúc lợi được đảm bảo: người lao động được quan tâm, thăm hỏi động viên kịp thời khi ốm đau, hiếu, hỷ...
- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm
- Tổ chức đi tham quan, du lịch để người lao động được nghỉ ngơi, dưỡng sức.
- Tổ chức các khóa huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho cán bộ nhân viên trong công ty.
- Chế độ lương thưởng được trả theo trình độ chuyên môn, năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân và dụng cụ an toàn lao động.
- Các thông số môi trường lao động đảm bảo điều kiện làm việc tốt cho người lao động.
- Động viên khuyến khích con em người lao động học tập bằng cách tặng quà, khen thưởng đối với các cháu có thành tích học tập tốt.

#### c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Thực hiện hiện 23 khóa đào tạo bao gồm: 15 khóa đào tạo bên ngoài, 08 khóa đào tạo nội bộ.
- Tổng số lượt người tham gia đào tạo theo kế hoạch: 843 lượt người
- Tổng số lượt người thực hiện đào tạo: 831 lượt người
- Nội dung đào tạo: Phổ biến, cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến các hoạt động chuyên môn, tham dự các lớp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

#### 6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng và địa phương

- Công ty cũng hướng tới chia sẻ khó khăn với cộng đồng, với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong công ty. Ủng hộ các hoạt động từ thiện trên địa bàn quận, phường như đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, hội người khuyết tật, hỗ trợ trẻ em khu dân cư nhân dịp trung thu, nạn nhân chất độc da cam...Tuy việc đóng góp có giới hạn nhưng thể hiện trách nhiệm luôn quan tâm vì cộng đồng của doanh nghiệp.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017 đã điều chỉnh	Kế hoạch Năm 2018	Thực hiện Năm 2018	Tỷ lệ tăng trưởng (%) 2018/2017	Tỷ lệ % TH/KH
Doanh thu thuần	2.390.429	2.600.000	2.619.774	9,59	100,76
Lợi nhuận trước thuế	59.926	45.000	39.495	-34,09	87,77
Lợi nhuận sau thuế	47.723	36.000	31.750	-33,47	88,19
Cổ tức	12%	12%	Đề xuất 15%	25%	125

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN theo BCTC năm 2017: 34,56 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 điều chỉnh theo KTNN: 47,72 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN theo BCTC năm 2018: 31,75 tỷ đồng

Như vậy Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 giảm hơn so với năm 2017(số sau điều chỉnh) là 15,97 tỷ tương đương giảm 33,47%, nguyên nhân giảm chủ yếu là do:

- Năm 2017 Công ty phải thu hồi và xử lý 02 mặt hàng theo yêu cầu của Cục quản lý Dược, tổng trị giá xử lý là 19,97 tỷ đồng. Hai mặt hàng trên Công ty đều nhận được thỏa thuận sẽ đền bù của nhà cung cấp. Nhưng Công ty xác định việc nhận được đền bù là không chắc chắn và được sự hướng dẫn của Công ty TNHH kiểm toán KPMG – kiểm toán độc lập của Công ty, các khoản đền bù khi nhận được, được ghi nhận vào thu nhập khác trên Báo cáo tài chính (khoản đền bù năm 2017 công ty nhận được là 7,6 tỷ).Tuy nhiên, năm 2018 Kiểm toán nhà nước vào làm việc quyết định ghi tăng LN của năm 2017 và tăng công nợ phải thu cho phần

đền bù chưa thu hồi được là 12,37 tỷ. Như vậy khoản lợi nhuận tăng thêm này của năm 2017 theo kết luận của Kiểm toán nhà nước thực chất là khoản ghi nhận trước lợi nhuận của năm 2018 (7,99 tỷ) và các năm tiếp theo.

- Cũng theo kết luận của KTNN, phần tài sản cố định bị đánh giá tăng lên khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty tính khấu hao hết vào năm 2016 là 4,06 tỷ, KTNN yêu cầu phân bổ thêm 02 năm nên lợi nhuận của năm 2017 tăng thêm 2,03 tỷ, đồng thời chi phí phân này của năm 2018 cũng tăng lên 2,03 tỷ... và một số điều chỉnh nhỏ khác (xem chi tiết trên mục 37 của Báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31/12/2018 của Công ty)

Bên cạnh đó Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 là 2.619 tỷ đồng, năm 2017 là 2.390 tỷ đồng, tăng 229 tỷ đồng tương đương tăng 9,6% đồng thời chi phí bán hàng và chi phí QLDN cũng tăng, năm 2018 là 194,18 tỷ, năm 2017 là 183,18 tỷ đồng, tăng 11 tỷ đồng tương đương tăng 6.01%. Tuy nhiên chi phí tăng chủ yếu do năm 2018 công ty phát sinh thêm khoản trích lập dự phòng hàng tồn kho cho các mặt hàng còn tồn kho 31/12/2018 không trúng gói thầu tập trung quốc gia và hàng đã gần hết hạn sử dụng là 9,2 tỷ chiếm 5,95% chi phí bán hàng năm 2018.

Trong tình hình hàng hóa khó khăn hiện nay, Công ty đạt được kết quả trên là do:

- Công ty vẫn tiếp tục trúng thầu ở các tỉnh/bệnh viện.
- Các hàng chủ chốt của công ty vẫn giữ được doanh số nhất định cùng với bổ sung hàng hóa mới bước đầu có tiến triển tốt, trúng thầu được nhiều nơi. Các mặt hàng mới phát triển đã có kết quả khả quan.
- Hàng hóa trọng tâm vẫn phát triển ổn định.
- Hàng phân phối cho các Hãng/nhà sản xuất Hypphens, B.Braun... đều tăng trưởng tốt.
- Hàng vật tư tiêu hao đấu thầu tập trung qua Trung tâm mua sắm tài sản công đã mang lại doanh số lớn

## 2. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100	1.444.712.638.381	1.680.525.389.111
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	57.749.224.752	64.522.280.792
1. Tiền	111	57.749.224.752	64.522.280.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
1. Chứng khoán kinh doanh	121		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	602.371.358.686	719.114.593.637
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	552.671.392.004	657.384.931.365
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	21.474.259.422	11.793.842.086

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	30.097.763.736	50.800.049.625
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(1.872.056.476)	(864.229.439)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	764.723.771.917	873.152.338.275
1. Hàng tồn kho	141	773.982.904.611	873.152.338.275
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(9.259.132.694)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150	19.868.283.026	23.736.176.407
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	16.799.894.053	23.707.347.951
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	3.068.388.973	28.828.456
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200	138.957.588.947	160.596.036.447
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		
<b>II. Tài sản cố định</b>	220	80.583.085.514	96.759.674.330
1. Tài sản cố định hữu hình	221	52.717.852.714	67.987.062.450
- Nguyên giá	222	169.202.463.155	169.139.213.155
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(116.484.610.441)	(101.152.150.705)

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227	27.865.232.800	28.772.611.880
- Nguyên giá	228	30.571.666.000	31.479.045.080
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	927.476.509	575.454.630
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	927.476.509	575.454.630
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	24.771.312.461	24.771.312.461
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	24.771.312.461	24.771.312.461
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	32.675.714.463	38.489.595.026
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	32.675.714.463	38.489.595.026
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
5. Lợi thế thương mại	269		
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>1.583.670.227.328</b>	<b>1.841.121.425.558</b>

**b. Tình hình nợ phải trả**

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1.328.104.380.819</b>	<b>1.601.501.626.816</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	1.326.559.162.213	1.599.956.408.210
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	500.308.139.770	578.555.119.977

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	39.230.750.188	34.972.298.672
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.282.180.190	4.558.883.128
4. Phải trả người lao động	314	15.439.229.140	14.043.637.466
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.138.359.300	
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.298.045.812
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	13.686.217.330	72.493.633.425
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	746.257.736.266	889.083.970.171
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.216.550.029	4.950.819.559
13. Quỹ bình ổn giá	323		
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>1.545.218.606</b>	<b>1.545.218.606</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7. Phải trả dài hạn khác	337		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	1.545.218.606	1.545.218.606
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>255.565.846.509</b>	<b>239.619.798.742</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	2.444.991.780	2.444.991.780
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	43.330.854.729	27.384.806.962
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	18.080.158.072	2.444.991.781
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	25.250.696.657	24.939.815.181
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>1.583.670.227.328</b>	<b>1.841.121.425.558</b>

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Để đáp ứng hoạt động kinh doanh trong bối cảnh thị trường đầy biến động và nhiều khó khăn, công ty luôn có sự điều chỉnh kịp thời về chiến lược, chính sách hàng hóa. Ban hành quy định nội bộ trong công ty nhằm tăng cường công tác thu hồi công nợ đặc biệt các công nợ quá hạn để bảo toàn nguồn vốn.

Sửa đổi, bổ sung các quy trình theo sự cải tiến trong quản lý và phương thức thực hiện.

### 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Với kết quả đạt được của năm 2018, Hội đồng quản trị, Ban điều hành xây dựng kế hoạch năm 2019 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tăng trưởng 2019 so với thực hiện 2018 (%)
1	Doanh thu	Tỷ	2.619,7	2.500	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	39,49	45	13,95
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	31,75	36	13,38



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tăng trưởng 2019 so với thực hiện 2018 (%)
5	Cổ tức	%	Dự kiến 15%	14%	0

- Hoàn thiện dự án xây dựng kho GSP tại chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đưa vào sử dụng.
  - Tăng cường kiểm soát, ngăn ngừa rủi ro: Soát xét lại các quy trình, ban hành các quy định nội bộ phù hợp với thực tế nâng cao khả năng kiểm soát.
  - Giữ vững nguồn cung hiện tại, tìm kiếm sản phẩm mới thay thế sản phẩm đã mất hoặc giảm khả năng cạnh.
  - Tăng cường thu hồi công nợ, giảm tỷ lệ nợ quá hạn, các đơn vị đề xuất các giải pháp đối với công nợ khó đòi.
  - Giữ vững và tiếp tục mở rộng địa bàn kinh doanh, đầu tư và cải thiện kênh bán hàng OTC.
  - Cải tiến, nâng cấp phần cứng và hệ phần mềm ERP (BFO) nhằm nâng cao năng suất lao động và kiểm soát các quá trình trong hoạt động kinh doanh phân phối
  - Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo phiên bản ISO 9001: 2015, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa hệ thống kho đáp ứng các yêu cầu quy định về GDP, GSP.
5. **Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có
6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội**
- a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:**

Công ty chú trọng đến các chỉ tiêu đảm bảo môi trường nơi làm việc và xung quanh. Công tác tiêu hủy thuốc không đạt chất lượng được thực hiện theo quy định của pháp luật. Tuyên truyền, nhắc nhở CBNV sử dụng điện nước hợp lý, tiết kiệm, tránh lãng phí.

**b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Người lao động được điều động, sắp xếp công việc phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn. Chế độ lương thưởng được trả theo trình độ và hiệu quả lao động. Công tác chăm sóc sức khỏe, đời sống tinh thần của người lao động được quan tâm và chú trọng.

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương**

Phối hợp với địa phương trong công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, tham gia ủng hộ các quỹ hoạt động từ thiện trên địa bàn chia sẻ phần nào những hoàn cảnh khó khăn.

**IV. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty**

- Về kết quả thực hiện:

- Doanh thu: 2.619 tỷ đồng đạt 100,76% so với kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế và sau thuế thấp hơn so với kế hoạch do phải điều chỉnh số liệu đầu kỳ năm 2018 theo đề nghị của Kiểm toán Nhà nước.
- Hàng nhập khẩu năm 2018 tăng so với kế hoạch do nhập dự trữ hàng trước khi hết hạn quota, Visa.
- Hàng mua trong nước đảm bảo hàng cho kinh doanh.

- Khó khăn về nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh do tăng dự trữ tồn kho ở một số hàng hết hạn số đăng ký, Quota.
- Về đầu tư xây dựng cơ bản:
  - Dự án xây kho GSP của chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đang thực hiện ở giai đoạn thi công, lắp đặt
  - Trả thù lao cho HĐQT; Ban kiểm soát và lương của Trưởng ban kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, cụ thể:
    - + Hội đồng quản trị: 324.000.000 đồng
    - + Ban kiểm soát: 408.000.000 đồng

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những khó khăn thách thức trong năm 2018 và những năm tiếp theo nên đã chủ động, linh hoạt điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời ban hành các văn bản nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát tối đa chi phí, tận dụng và kết hợp mọi nguồn lực hiện có để đem lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động của công ty.
- Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động của Công ty theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động năm 2018 của công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Luôn coi trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, tìm kiếm mặt hàng mới thay thế những mặt hàng đã mất hoặc giảm khả năng cạnh tranh, tăng doanh số và lợi nhuận.
- Kiểm soát tài chính chặt chẽ, giảm thiểu chi phí quản lý, tăng cường công tác giám sát tại các dự án công ty đã chủ trương đầu tư.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi để đưa ra các quyết định kịp thời sát với tình hình hoạt động của công ty. Hội đồng quản trị cam kết lãnh đạo công ty đảm bảo thực hiện theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quan tâm đến đời sống vật chất của người lao động, tạo thu nhập ổn định, cố gắng năm sau cao hơn năm trước.

## V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến của kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH KPMG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27/3/2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán

Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Chi tiết báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng tải trên website của Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 tại địa chỉ: [www.cpc1.com.vn](http://www.cpc1.com.vn)

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Doãn Liêm**